

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THANH**

Số: /UBND-VHXXH

V/v thông tin, tuyên truyền các văn bản
chỉ đạo của cấp trên, UBND tỉnh và các
sở, ban, ngành

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Thanh, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Trung tâm Công ích xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã.

Thực hiện công văn số 5225/SVHTTDL-BCXB ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau về việc thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của cấp trên, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành. Để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh đề nghị:

1. Trung tâm công ích xã, Trang thông tin điện tử xã chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm; phối hợp với cơ quan liên quan lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các hội đoàn thể, phong trào, cuộc vận động đang được triển khai thực hiện phù hợp địa phương.

2. Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quản lý.

(kèm theo phụ lục nội dung văn bản tuyên truyền).

Trên đây là công văn thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức có liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VHXXH (K).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Hữu Tính

PHỤ LỤC

(Kèm Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 7 năm 2026
của UBND xã Vĩnh Thanh về việc thông tin, tuyên truyền các văn bản
chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<i>STT</i>	<i>Số ký hiệu văn bản</i>	<i>Ngày ban hành</i>	<i>Trích yếu</i>	<i>Cơ quan ban hành</i>	<i>Nội dung trọng tâm tuyên truyền</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>(0)</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	Số 3628/S TP- PBGDP L	16/7/2 026	V/v đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch số 390/KH- UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tư Pháp	Về việc đẩy mạnh tuyên truyền Kế hoạch số 390/KH-UBND của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư gắn với thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau	
2	Số 5257/K H- UBND	17/7/2 026	Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án phát triển giáo dục số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất tư duy và tạo sự đồng thuận trong toàn ngành giáo dục về phát triển giáo dục số là nhiệm vụ nền tảng, quyết định hiệu quả triển khai Đề án. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và nhiệm vụ chuyên môn của từng cấp quản lý, từng cơ sở giáo dục. Tập trung tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình phát triển giáo dục số đến năm 2030, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học.	
3	Số 714- CV/TU	17/6/2 026	Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, ngăn chặn khai thác thủy sản mang tính hủy diệt	Tỉnh ủy	Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo ngăn chặn khai thác thủy sản mang tính hủy diệt	

4	Số 11967/ UBND- NNXD	20/7/2 026	Về việc triển khai Quyết định số 140/2026/QĐ- CTUBND ngày 10/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	UBND tỉnh	Về việc tăng cường tuyên truyền triển khai thực hiện quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	
---	-------------------------------	---------------	---	--------------	--	--

Số -CV/TU

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo
ngăn chặn khai thác thủy sản mang tính hủy diệt

Kính gửi: - Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc
và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

Thời gian qua, việc thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc khai thác nguồn lợi thủy sản có tính hủy diệt trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, thời gian gần đây, tình trạng săn bắt các loài thủy sản non đầu mùa mưa (*nhất là các loại cá non, con giống tự nhiên*) bằng các phương pháp hủy diệt vẫn diễn ra phức tạp tại một số địa phương, nguy cơ làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

Để kịp thời ngăn chặn tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung triển khai thực hiện hiệu quả một số nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc khai thác nguồn lợi thủy sản có tính hủy diệt trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực*”; Công văn số 333-CV/TU, ngày 09/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chống săn bắt động vật hoang dã, khai thác thủy sản có tính hủy diệt*” và các quy định pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tập trung tuyên truyền, vận động người dân, đặc biệt là ngư dân và hộ sản xuất ven biển, vùng ngọt hóa không sử dụng chất độc, chất nổ, xung điện hoặc các ngư cụ cấm để khai thác thủy sản; nâng cao nhận thức về tác hại của việc tận diệt thủy sản non đầu mùa mưa đối với sinh kế bền vững.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng các mô hình cộng đồng tự quản về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức cho các hộ dân ký cam kết không vi phạm. Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình tăng cường thời lượng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, kịp thời phản ánh các hành vi vi phạm và biểu dương các tấm gương, mô hình bảo vệ nguồn lợi thủy sản tốt tại địa phương.

2. Chỉ đạo lực lượng công an, quân sự phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền các địa phương tăng cường tần suất tuần tra, kiểm tra tại các tuyến sông, vùng ven biển, các bãi đẻ tự nhiên và các khu vực

trọng điểm. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển và sử dụng phương tiện hủy diệt để tận diệt nguồn lợi thủy sản.

Đồng thời, chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở kinh doanh, sản xuất, tàng trữ, mua bán các loại ngư cụ cấm, thiết bị kích điện tự chế; các vựa kinh doanh, cơ sở thu mua, tiêu thụ trái phép các loại thủy sản non đầu mùa mưa trên địa bàn tỉnh.

3. Các đảng ủy xã, phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở bám sát địa bàn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, giám sát các đối tượng có biểu hiện sử dụng xung điện, chất độc, ngư cụ mắc lưới nhỏ để đánh bắt thủy sản. Chủ động rà soát, lập danh sách các hộ làm nghề có nguy cơ vi phạm để tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề phù hợp. Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác thủy sản trên địa bàn.

4. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu phải chịu trách nhiệm toàn diện nếu để xảy ra tình trạng khai thác thủy sản có tính hủy diệt trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xem xét, xử lý nghiêm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng nếu buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, để xảy ra tình trạng sử dụng chất độc, chất nổ, xung điện, khai thác thủy sản non mang tính tận diệt diễn ra công khai, kéo dài trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực mình phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

5. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) để theo dõi, chỉ đạo.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nghiêm túc quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Công văn này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (Cg, Ng).

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Huỳnh Quốc Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNXD

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

V/v triển khai thực hiện quy định
xử lý vi phạm hành chính
trong lĩnh vực thủy sản

Kính gửi:

- Các sở, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 7138/BNMT-TSKN ngày 02/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản tại Nghị định số 246/2026/NĐ-CP. Về vấn đề nêu trên, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn nêu trên; nghiên cứu, phổ biến đầy đủ các quy định của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng thực thi và các tổ chức, cá nhân có liên quan; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 246/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh, xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Công văn này.

b) Tổ chức biên soạn tài liệu hướng dẫn, tài liệu tuyên truyền; tổ chức tập huấn, phổ biến các quy định của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP cho cán bộ thực hiện công tác quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm ngư, các lực lượng có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và công chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý thủy sản tại địa phương; hoàn thành trước ngày 10/8/2026.

c) Rà soát các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo chức năng được giao; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

d) Xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; tập trung vào các lĩnh vực, đối tượng có nguy cơ vi phạm cao, nhất là các hành vi liên

quan đến chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và các hành vi vi phạm quy định của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP.

đ) Rà soát, thống kê tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; hướng dẫn chủ tàu thực hiện đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

e) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát tàu cá, kiểm soát sản lượng thủy sản qua cảng, xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo đúng quy định của pháp luật.

g) Tổng hợp tình hình triển khai thực hiện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/8/2026; báo cáo kết quả triển khai sau 01 tháng thực hiện trước ngày 25/9/2026 và định kỳ hằng quý hoặc khi có yêu cầu; đồng thời chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, điều tra, xác minh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản; thực hiện tốt công tác phối hợp, trao đổi thông tin, chuyên giao hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP đến các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thủy sản; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần phòng ngừa vi phạm và chống khai thác IUU.

6. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định số 246/2026/NĐ-CP đến các tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; chỉ đạo công chức được giao nhiệm vụ thực hiện đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời chuyển hồ sơ các vụ việc vượt thẩm quyền đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Công văn này; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc chậm triển khai hoặc thực hiện không nghiêm túc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện nội dung Công văn này (*gửi kèm Công văn số 7138/BNMT-TSKN và Nghị định số 246/2026/NĐ-CP qua iO*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Chi cục Biển, Hải đảo và Kiểm ngư;
- Phòng NN-XD (Kha287);
- Lưu: VT, TH1549/7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Sử

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện Đề án phát triển giáo dục số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt Đề án phát triển giáo dục số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Đề án Phát triển giáo dục số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Từng bước tạo hệ sinh thái giáo dục số liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp quản lý và cơ sở giáo dục, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong ngành giáo dục của tỉnh.
- Nâng cao chất lượng quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên, học sinh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai đồng bộ, có lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm.
- Phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ cho từng sở, ngành, địa phương.
- Gắn kết việc thực hiện Kế hoạch với Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và các chương trình phát triển giáo dục khác.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống giáo dục số tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiện đại; phát triển nền tảng dữ liệu mở; đổi mới căn bản phương thức quản lý, dạy học và kiểm tra, đánh giá; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tạo hệ sinh thái dữ liệu giáo dục phục vụ quản trị và đổi mới sáng tạo; phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên và người học, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Hạ tầng và nền tảng số: 100% cơ sở giáo dục có hạ tầng mạng nội bộ và Internet băng thông rộng, ổn định, đáp ứng yêu cầu dạy học số (tối thiểu 100Mbps tại khu vực trung tâm, 50Mbps tại vùng khó khăn). 100% trường học triển khai và sử dụng Nền tảng Giáo dục số tích hợp.

(2) Học liệu số: Xây dựng, khai thác Kho học liệu số của tỉnh với tối thiểu 500 học liệu chất lượng cao (video, bài giảng tương tác, thực tế ảo). 100% môn học có ngân hàng câu hỏi, bài tập trực tuyến.

(3) Phương pháp dạy - học: phân đầu 100% cơ sở giáo dục từ mầm non đến các cấp học phổ thông triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, hỗ trợ dạy học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. 100% trường THPT và 70% trường THCS triển khai hiệu quả mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning). 30% trường THCS, THPT có Không gian Sáng tạo số (Maker Space).

(4) Năng lực số con người: 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên được bồi dưỡng năng lực số cơ bản, biết ứng dụng AI trong quản lý, dạy học; phân đầu trên 30% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên đạt trình độ kỹ năng số nâng cao, có kiến thức về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. 100% học sinh được học về công nghệ số và phát triển năng lực số phù hợp với từng cấp học.

(5) Quản trị và kết nối: 100% dữ liệu giáo dục (quản lý nhà trường, nghiệp vụ của giáo viên, quản lý học sinh) được số hóa, đồng bộ với hệ thống quốc gia. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục toàn tỉnh, phục vụ công tác quản lý, điều hành.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất tư duy và tạo sự đồng thuận trong toàn ngành giáo dục về phát triển giáo dục số là nhiệm vụ nền tảng, quyết định hiệu quả triển khai Đề án. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và nhiệm vụ chuyên môn của từng cấp quản lý, từng cơ sở giáo dục.

Tập trung tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình phát triển giáo dục số đến năm 2030, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người học.

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp từng đối tượng; lồng ghép nội dung giáo dục số vào sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, tập huấn và các phong trào thi đua. Phát huy vai trò của nền tảng số, cổng thông tin điện tử và hệ thống truyền thông nội bộ để lan tỏa nhận thức đúng đắn về giáo dục số.

Gắn tuyên truyền với nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; từng bước hình thành văn hóa số trong quản lý, dạy học

và học tập, tạo nền tảng vững chắc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục số đến năm 2030.

2. Đảm bảo các điều kiện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là các trường còn khó khăn về đường truyền Internet, máy vi tính, phòng học thông minh, thiết bị tương tác; bảo đảm kết nối thông suốt giữa cơ quan quản lý giáo dục các cấp và các cơ sở giáo dục.

Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục; tập trung xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, xác định dữ liệu ngành giáo dục là tài sản quan trọng phục vụ quản trị, chỉ đạo, điều hành và nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước hình thành hệ thống dữ liệu tập trung, thống nhất. Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu phục vụ dự báo, đánh giá, ra quyết định; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu.

Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng AI; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số, năng lực khai thác dữ liệu và công nghệ mới cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hình thành đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số tại các cấp để dẫn dắt, hỗ trợ triển khai.

Thúc đẩy ứng dụng AI trong quản lý và giáo dục theo lộ trình phù hợp, ưu tiên các lĩnh vực như quản lý, phân tích dữ liệu, hỗ trợ dạy học, kiểm tra, đánh giá và cá nhân hóa học tập. Việc ứng dụng AI phải gắn với đổi mới phương pháp giáo dục, bảo đảm tính nhân văn, an toàn, minh bạch và phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

3. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục

Đổi mới mô hình dạy - học theo hướng triển khai, thí điểm các mô hình tiên tiến trên nền tảng số như dạy học kết hợp, lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo, phù hợp điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp dạy học dựa trên công nghệ số; tăng cường thiết kế bài giảng mô phỏng 3D, ứng dụng thực tế ảo (VR/AR), nhất là đối với các môn Khoa học tự nhiên theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá theo hướng hiện đại, hỗ trợ học tập cá thể hóa và nâng cao trải nghiệm người học; đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá trên máy tính và trực tuyến. Kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với hệ thống quản trị nhà trường và các thiết bị Internet vạn vật (IoT), từng bước hình thành hệ sinh thái chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục. Xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra và hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến thông minh, an toàn.

Phát triển kho học liệu số dùng chung cấp tỉnh, bao gồm bài giảng điện tử, bài giảng truyền hình, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu mở khác. Xây dựng và phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi

trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Xây dựng thư viện điện tử dùng chung trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo.

4. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và người học

Bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM, phát triển tư duy lập trình; đưa nội dung kỹ năng số, an toàn, an ninh mạng, nền tảng mở và phân mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo các cấp độ (cơ bản, nâng cao, chuyên gia); hình thành các cộng đồng học tập chuyên môn trực tuyến để giáo viên cùng nhau phát triển.

Đề xuất chính sách khuyến khích, hỗ trợ, đãi ngộ đối với ngành giáo dục nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục số; bảo đảm nguồn lực đầu tư cho giáo dục số đạt tỷ lệ phù hợp, tương ứng với cơ cấu nguồn chuyển đổi số của tỉnh.

5. Huy động các nguồn lực tham gia phát triển giáo dục số

Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo.

Thu hút nguồn vốn đầu tư vào công nghệ và chuyển đổi số, đặc biệt trong giáo dục; hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ STEM, Robotics, lập trình trong trường học. Tổ chức thường niên “Ngày hội Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp học đường”; đổi mới hình thức Hội thi sáng tạo, khoa học kỹ thuật. Xây dựng cơ chế kết nối, chia sẻ nguồn lực giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn tỉnh.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền riêng tư và công bằng trong tiếp cận

Ban hành quy tắc ứng xử, sử dụng Internet an toàn trong trường học; tăng cường phòng ngừa, phát hiện và xử lý các rủi ro, sự cố mất an toàn thông tin trong môi trường giáo dục số. Thực hiện chương trình hỗ trợ thiết bị học tập số, gói cước viễn thông cho học sinh nghèo, vùng khó khăn.

Phối hợp cơ quan chuyên môn triển khai giải pháp kỹ thuật bảo vệ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân của cán bộ quản lý, giáo viên và người học.

Nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ quyền riêng tư thông qua tuyên truyền, tập huấn, lồng ghép trong chương trình giáo dục. Bảo đảm đạo đức, quyền riêng tư trong thu thập, khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục và ứng dụng AI; tránh lạm dụng công nghệ.

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ thiết bị, hạ tầng, nền tảng số cho học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bảo đảm mọi người học có cơ hội tiếp cận và sử dụng hiệu quả dịch vụ giáo dục số. Thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, các nhóm đối tượng; thúc đẩy công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục

Công tác kiểm tra, giám sát gắn với trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh tồn tại trong quá trình triển khai.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá việc thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình của Đề án; triển khai đánh giá định kỳ theo bộ chỉ số chuyển đổi số do Bộ GDĐT ban hành và các chỉ tiêu đánh giá phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác dữ liệu và các công cụ số trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; từng bước thực hiện giám sát trực tuyến, giám sát theo thời gian thực đối với việc vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số trong ngành giáo dục.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước, lồng ghép vào các Chương trình mục tiêu Quốc gia (bao gồm Chương trình mục tiêu Quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 theo Nghị quyết số 249/2025/QH15), các Chương trình, Đề án, Kế hoạch có liên quan, kết hợp với các nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và khả năng cân đối ngân sách, Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng và thiết bị phục vụ dạy học số tại các cơ sở giáo dục theo lộ trình thí điểm tại một số đơn vị trước, sau đó nhân rộng để nâng cao hiệu quả đầu tư.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì tổ chức triển khai Đề án Phát triển giáo dục số đến năm 2030, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ nội dung, tiến độ và hiệu quả thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Đề án theo từng giai đoạn và hằng năm; chỉ đạo, hướng dẫn các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo

dục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục số theo đúng mục tiêu, lộ trình đã đề ra.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; định kỳ và đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển giáo dục số của tỉnh.

2. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở GDĐT trong việc triển khai Đề án Phát triển giáo dục số đến năm 2030; hướng dẫn các mặt công tác theo thẩm quyền; xây dựng, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu, giải pháp ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số theo định hướng của tỉnh; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục. Đồng thời, xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nội dung về học liệu số, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu từ nguồn chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Đề nghị Sở Tài chính

Căn cứ nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ, bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

4. Đề nghị Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở GDĐT xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện nội dung đào tạo nguồn nhân lực số từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

5. Đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở GDĐT trong việc triển khai Đề án Phát triển giáo dục số đến năm 2030; lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án vào chương trình, kế hoạch công tác của ngành, lĩnh vực phụ trách.

Chủ động phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục số; tham gia hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng số, dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, an toàn thông tin và các nội dung có liên quan theo yêu cầu của Sở GDĐT.

Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở GDĐT và các cơ quan liên quan trong việc triển khai Đề án Phát triển giáo dục số đến năm 2030 tại địa phương.

Chỉ đạo, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai các nhiệm vụ phát triển giáo dục số theo mục tiêu, nội dung của Đề án; phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, giáo dục số đối với cán bộ, giáo viên, phụ huynh và người học tại địa phương.

Phối hợp hỗ trợ về nhân lực, điều kiện tổ chức thực hiện, đặc biệt trong công tác quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giáo dục và triển khai các nền tảng số tại cơ sở; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để Sở GDĐT tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án phát triển giáo dục số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau của Sở GDĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở GDĐT để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, tham mưu đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Hoàng Dự

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-PBGDPL

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

V/v đơn đốc triển khai thực hiện
Kế hoạch số 390/KH-UBND của
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Kế hoạch số 390/KH-UBND ngày 04/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư gắn với thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Kế hoạch số 390/KH-UBND); để bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 390/KH-UBND; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm được giao theo Kế hoạch và Phụ lục kèm theo.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm bảo đảm các nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Kế hoạch số 390/KH-UBND. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổng hợp kết quả thực hiện, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 05/11 hằng năm để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, PBGDPLĐào.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc